

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 94/TTr-STP ngày 15 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh Quảng Ngãi gồm 32 cá nhân (có danh sách kèm theo).

Báo cáo viên pháp luật tỉnh có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 36 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và có phạm vi hoạt động theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ

chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các xã, phường, đặc khu và các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục PBGDPL và TGPL);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NC_{PTTT}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Hoàng

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

| STT | Họ và Tên | Chức vụ, đơn vị | Trình độ chuyên môn và lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật |
|---|---------------------|--|---|
| I. SỞ TƯ PHÁP (02) | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Sang | Phó Giám đốc, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 2 | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật Trợ giúp pháp lý |
| 2 | Dương Linh | Chuyên viên, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 2 | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật Trợ giúp pháp lý |
| II. HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH (01) | | | |
| 3 | Phạm Thị Lệ Nguyên | Phó Chủ tịch Hội | Thạc sĩ Chính trị; lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho hội viên, phụ nữ |
| III. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (15) | | | |
| 4 | Nguyễn Quang Hòa | Chi cục trưởng, Chi cục Phát triển nông thôn | Thạc sĩ Kinh tế; lĩnh vực pháp luật nông thôn mới và giảm nghèo, kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị |
| 5 | Trịnh Văn Sơn | Phó Chi cục trưởng, Chi cục Phát triển nông thôn | Kỹ sư đất đai; lĩnh vực pháp luật giảm nghèo |
| 6 | Vũ Việt Thanh | Trưởng phòng, Chi cục Phát triển nông thôn | Kỹ sư kinh tế; lĩnh vực pháp luật phát triển nông thôn |
| 7 | Nguyễn Châu Tuấn | Phó Trưởng phòng, Chi cục Phát triển nông thôn | Cử nhân Kinh tế ngành Quản trị kinh doanh; lĩnh vực pháp luật giảm nghèo |
| 8 | Đường Thị Hồng Luân | Phó Chi cục trưởng, Chi cục Bảo vệ môi trường | Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường; lĩnh vực môi trường |
| 9 | Nguyễn Văn Minh | Kiểm dịch viên động vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y | Kỹ sư Chăn nuôi; lĩnh vực pháp luật Chăn nuôi, Thú y |
| 10 | Trần Đạt | Kiểm dịch viên động vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y | Kỹ sư Chăn nuôi và Thú y; lĩnh vực pháp luật Chăn nuôi, Thú y |
| 11 | Đoàn Thị Dạ Linh | Chuyên viên, Chi cục Chăn nuôi và Thú y | Bác sĩ Thú y; lĩnh vực pháp luật Chăn nuôi, Thú y |
| 12 | Nguyễn Thị Hương | Chuyên viên, Chi cục Phát triển nông thôn | Cử nhân Khoa học Lịch sử; lĩnh vực pháp luật giảm nghèo |

| STT | Họ và Tên | Chức vụ, đơn vị | Trình độ chuyên môn và lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật |
|---|---------------------|---|---|
| 13 | Văn Thị Phương Mai | Chuyên viên, Chi cục Phát triển nông thôn | Thạc sĩ quản lý kinh tế; lĩnh vực pháp luật giám nghèo |
| 14 | Phan Thị Thanh Thủy | Chuyên viên, Chi cục Phát triển nông thôn | Cử nhân Kinh tế; lĩnh vực pháp luật giám nghèo |
| 15 | Phan Thái Trà | Chuyên viên, Chi cục Phát triển nông thôn | Cử nhân Kinh tế phát triển; Lĩnh vực pháp luật nông thôn mới |
| 16 | Nguyễn Thị Thủy | Chuyên viên, Chi cục Phát triển nông thôn | Kỹ sư Nông học; lĩnh vực pháp luật phát triển nông thôn |
| 17 | Nguyễn Ngô Thu Thủy | Chuyên viên, Phòng Nghệ vụ, Chi cục Thủy sản - Biển đảo | Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản; lĩnh vực thủy sản |
| 18 | Nguyễn Đăng Cẩm Vi | Chuyên viên, Phòng Nghệ vụ, Chi cục Thủy sản - Biển đảo | Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường; lĩnh vực Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển |
| IV. ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH (01) | | | |
| 19 | Võ Thị Phương Dung | Phó Ban Dân chủ giám sát và phản biện xã hội | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực Giám sát và phổ biến, giáo dục pháp luật |
| V. CÔNG AN TỈNH (13) | | | |
| 20 | Lê Quang Chính | Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực pháp luật về quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 21 | Lê Văn Việt | Phó Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật hình sự | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật Giám định kỹ thuật hình sự |
| 22 | Nguyễn Thành Lâm | Phó Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật hình sự | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật Khám nghiệm hiện trường |
| 23 | Lê Thanh Ân | Phó Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật hình sự | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật kỹ thuật phòng, chống tội phạm |
| 24 | Lê Minh Đạt | Phó Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật hình sự | Thạc sĩ Điều tra tội phạm; lĩnh vực pháp luật Thi hành án hình sự |
| 25 | Trần Đức Vinh | Phó Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật hình sự | Cử nhân Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; lĩnh vực pháp luật về an ninh trật tự |
| 26 | Nguyễn Bá Thắng | Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về Trật tự, an toàn giao thông |
| 27 | Nguyễn Chí Thanh | Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông | Thạc sĩ Luật; lĩnh vực pháp luật về Trật tự, an toàn giao thông |

| STT | Họ và Tên | Chức vụ, đơn vị | Trình độ chuyên môn và lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật |
|------------|---------------------|--|---|
| 28 | Mai Thuận Phong | Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật về quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 29 | Huỳnh Lê Hồng Phong | Phó Đội trưởng, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật về quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 30 | Nguyễn Quốc Văn | Cán bộ, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Cử nhân Cảnh sát nhân dân; lĩnh vực pháp luật về quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 31 | Trần Văn Tiên | Cán bộ, Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao | Cử nhân An ninh nhân dân; lĩnh vực pháp luật an ninh mạng, an toàn thông tin và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao |
| 32 | Lộ Viết Thắng | Cán bộ, Phòng Cảnh sát giao thông | Cử nhân Luật; lĩnh vực pháp luật về Trật tự, an toàn giao thông |

Danh sách này có 32 người./.